

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG TRỊ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **10** /GPMT-UBND

Quảng Trị, ngày **05** tháng **02** năm 2024

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông báo số 3699/TB-HĐTD ngày 29/9/2023 của Sở Tài nguyên và Môi trường về việc hoàn thiện hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường của cơ sở Nhà máy sản xuất thủy sản đông lạnh Elites Việt Trung (cấp đông xuất khẩu tôm thẻ chân trắng);

Xét nội dung báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường cơ sở Nhà máy sản xuất thủy sản đông lạnh Elites Việt Trung đã được chỉnh sửa, bổ sung gửi kèm Văn bản giải trình số 40/TTr-MT/CT ngày 24/01/2024 của Công ty TNHH Thủy sản Liên hiệp Quốc tế ELITES Việt Trung;

Xét đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 425/TTr-STNMT ngày 31/01/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty TNHH Thủy sản Liên hiệp Quốc tế ELITES Việt Trung, địa chỉ tại thôn Phú Hội, xã Triệu An, huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của Cơ sở Nhà máy sản xuất thủy sản đông lạnh ELITES Việt Trung với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án đầu tư:

1.1. Tên cơ sở: Nhà máy sản xuất thủy sản đông lạnh ELITES Việt Trung.

1.2. Địa điểm hoạt động: xã Triệu An, huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị.

1.3. Giấy đăng ký kinh doanh hoặc giấy chứng nhận đầu tư: Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 4725555676 do Ban Quản lý khu kinh tế tỉnh Quảng Trị cấp chứng nhận lần đầu ngày 29/12/2017;

1.4. Mã số thuế: 3200622980.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Chế biến tôm thẻ chân trắng (cấp đông tôm thẻ chân trắng).

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của Cơ sở:

- Phạm vi, quy mô của Cơ sở: Nhà máy sản xuất thủy sản đông lạnh Elites Việt Trung có vị trí thực hiện tại thôn Phú Hội, xã Triệu An, huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị có diện tích sử dụng đất là 9.580 m². Quy mô các hạng mục như sau:

(1) Hạng mục công trình chính:

+ Phân xưởng sản xuất có diện tích 1.305,2 m², bao gồm khu vực tiếp nhận nguyên liệu (42 m²); khu vực sơ chế (204,2 m²); Khu vực tinh chế (309 m²); Khu vực cấp đông, kho bao bì trung gian, phòng máy trung tâm (750 m²).

+ Nhà xử lý nước sản xuất (43,3 m²); Khu xử lý nước chế biến (120m²); Nhà sản xuất đá cây (142,2 m²); Nhà Kho lạnh bảo quản thành phẩm (632,32 m²); Nhà đặt thiết bị hệ thống lạnh trung tâm (116,25m²); Nhà hành chính (240 m²).

(2) Hạng mục công trình phụ trợ: Nhà nghỉ giữa ca CBCNV (286,0 m²); Nhà ăn ca, nhà nghỉ công nhân (400,0 m²); Trạm hạ thế 400kV (12 m²); Nhà bảo vệ (24 m²); Gara để xe đạp, xe máy (150 m²); Cây xanh, bãi đỗ xe (1.472 m²); Hệ thống đường nội bộ kết cấu đường bê tông (1.200 m²); Nhà đặt Máy phát điện (41,6 m²); Công trình phụ trợ khác (1.603 m²).

(3) Hạng mục công trình bảo vệ môi trường: Khu xử lý nước thải công suất 80 m³/ngày.đêm (dự phòng đến 100 m³/ngày đêm), công nghệ xử lý bằng phương pháp sinh học kết hợp hoá lý và khử trùng chlorine. Diện tích là 175,49 m²;

- Công suất của cơ sở: Nhà máy có công suất 3.000 - 3.900 tấn nguyên liệu tôm thẻ chân trắng/năm.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về BVMT kèm theo:

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của tổ chức/cá nhân được cấp Giấy phép môi trường

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty TNHH Thủy sản Liên hiệp Quốc tế ELITES Việt Trung có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm (từ ngày 05 tháng 02 năm 2024 đến ngày 05... tháng 02 năm 2034).

Điều 4. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với Cơ sở theo quy định của pháp luật. / *nh*

Nơi nhận:

- Công ty TNHH Thủy sản Liên hiệp Quốc tế ELITES Việt Trung;
- Chủ tịch, PCTTT Hà Sỹ Đồng;
- Các Sở: TN&MT, Công Thương;
- BQL KKT tỉnh;
- UBND huyện Triệu Phong;
- UBND xã Triệu An;
- Trang TTĐT UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KT(Th). *fc*

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Hà Sỹ Đồng

Phụ lục 1**NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI****Cơ sở: Nhà máy sản xuất thủy sản đông lạnh Elites Việt Trung***(Kèm theo Giấy phép môi trường số: 10 /GPMT-UBND ngày 05 tháng 02 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị)***A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI****1. Nguồn phát sinh nước thải**

- Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt tại nhà văn phòng làm việc.
- Nguồn số 02: Nước thải sinh hoạt tại nhà nghỉ + nhà ăn.
- Nguồn số 03: Nước thải từ khu vực bếp của nhà ăn.
- Nguồn số 04: Nước thải sinh hoạt tại nhà vệ sinh số 1 khu vực xưởng sản xuất.
- Nguồn số 05: Nước thải sinh hoạt tại nhà vệ sinh số 2 khu vực xưởng sản xuất.
- Nguồn số 06: Nước thải chế biến thủy sản tại khu vực xưởng sản xuất.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải**2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải**

- Dòng thải số 01 (tương ứng nguồn số 01): Nước thải sau xử lý bằng bể tự hoại 03 ngăn thể tích 5,0 m³, thấm ra môi trường tại góc phía Đông Nam khu nhà văn phòng làm việc.

- Dòng thải số 02 (tương ứng nguồn số 02, 03, 04, 05, 06): nước thải sinh hoạt của công nhân tại khu vực nhà ăn và khu vực bếp sau khi qua các công trình bể tự hoại 03 ngăn, song chắn rác, hồ ga lắng sẽ theo đường ống Φ114 dẫn về hố gom của hệ thống xử lý tập trung; Nước thải sinh hoạt của công nhân tại khu vực xưởng sản xuất từ khu nhà vệ sinh 1, 2 sau khi qua bể tự hoại 03 ngăn sẽ theo đường ống Φ114 dẫn dẫn ra hố gom kích thước (1×1×1)m (góc phía Tây) nhà xưởng và nhập chung theo đường ống PVC D200 thu gom nước thải chế biến thủy sản về hố gom của hệ thống xử lý tập trung. Hệ thống xử lý nước thải tập trung đặt tại góc phía Tây Bắc nhà máy xử lý bằng công nghệ xử lý sinh học kết hợp hoá lý và khử trùng công suất 80 m³/ngày đêm, dự phòng đến 100 m³/ngày đêm.

2.2. Vị trí xả nước thải

- Vị trí xả thải: Thôn Phú Hội, xã Triệu An, Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị.
- Tọa độ vị trí xả nước thải:
 - + Dòng nước thải số 01 (tương ứng nguồn số 01): Hố thấm sau cùng của Bể tự hoại 03 ngăn tại nhà văn phòng làm việc: tọa độ X: 1.869.099 m; Y: 599.661 m.

+ Dòng nước thải số 02 (tương ứng nguồn số 02, 03, 04, 05, 06): Nước thải sản xuất của cơ sở sau xử lý tại bể đối chứng nước sẽ theo ống nhựa PVC D114 chảy qua thiết bị đồng hồ đo lưu lượng nước thải và tiếp tục chảy theo ống PVC D200 dài 100m đi dọc bờ tường phía Bắc nhà máy về cống thoát chung góc phía Bắc và chảy theo cống thoát D450 dài 70m đổ ra sông Thạch Hãn. Tọa độ X: : 1.869.217m, Y: 599.528m.

(Theo Hệ tọa độ VN2000, KTT 106⁰15', múi chiếu 3⁰)

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 101 m³/ngày đêm

- Dòng số 01: 1,2 m³/ngày đêm.

- Dòng số 02: 1,5 m³/ngày đêm.

2.3.1. Phương thức xả nước thải:

- Dòng số 01: Nước thải sau xử lý tự thấm vào đất góc phía Đông Nam của nhà văn phòng làm việc.

- Dòng số 02: Nước thải sau xử lý tại bể đối chứng sẽ theo ống nhựa PVC D114 chảy qua thiết bị đồng hồ đo lưu lượng nước thải và tiếp tục chảy theo ống PVC D200 dài 100m dọc bờ tường phía Bắc nhà máy về cống thoát chung góc phía Bắc nhà máy và chảy theo cống thoát D450 dài 70m đổ ra sông Thạch Hãn. Điểm tiếp nhận nước thải, cách chân cầu Cửa Việt khoảng 45 m về phía thượng lưu.

2.3.2. Chế độ xả nước thải: Xả liên tục (24 giờ)

2.3.3. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận:

Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với nước thải, cụ thể như sau:

- Dòng thải số 01: Nước thải sinh hoạt sau xử lý đạt Quy chuẩn cho phép trước khi xả thải theo QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt (Cột B, K=1,2). Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn các chất ô nhiễm theo dòng nước thải cụ thể ở bảng sau:

TT	Thông số	Đơn vị	Giá trị tối đa cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	pH	mg/l	5-9	Không áp dụng	Không áp dụng
2	BOD ₅ (20 ⁰ C)	mg/l	60		
3	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	120		
4	Tổng chất rắn hòa tan	mg/l	1.200		
5	Sunfua (tính theo H ₂ S)	mg/l	4,8		
6	Amoni (tính theo N)	mg/l	12		

TT	Thông số	Đơn vị	Giá trị tối đa cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
7	Nitrat (NO_3^-) (tính theo N)	mg/l	60		
8	Dầu mỡ động, thực vật	mg/l	24		
9	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/l	12		
10	Phosphat (PO_4^{3-})	mg/l	12		
11	Tổng Coliforms	MNP/100ml	5.000		

- Dòng thải số 02: Nước thải của cơ sở sau xử lý nằm trong giới hạn cột B của QCVN 11-MT:2015/BTNMT ($K_q = 0,9$, $K_f = 1,1$) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chế biến thủy sản. Giá trị giới hạn các chất ô nhiễm theo dòng nước thải cụ thể ở bảng sau:

TT	Thông số	Đơn vị	Giá trị giới hạn tối đa	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	pH	-	5,5 - 9	03 tháng/lần	Không áp dụng
2	BOD ₅	mg/l	49,5		
3	COD	mg/l	148,5		
4	TSS	mg/l	99		
5	Amoni (NH_4^+ tính theo N)	mg/l	19,8		
6	Tổng Nitơ (tính theo N)	mg/l	59,4		
7	Tổng Photpho (tính theo P)	mg/l	19,8		
8	Tổng dầu mỡ, động thực vật	mg/l	19,8		
9	Clo dư	mg/l	1,98		
10	Tổng Coliform	MPN/100ml	5000		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải

- Đối với nước thải sinh hoạt:

+ Khu vực nhà văn phòng làm việc: được thu gom bằng ống PVC Ø110 từ nhà vệ sinh dẫn vào 01 bể tự hoại 3 ngăn thể tích 5m³ để xử lý, sau đó thấm ra môi trường (góc phía Đông Nam khu nhà văn phòng).

+ Khu vực nhà nghỉ và nhà ăn công nhân: được thu gom bằng ống PVC Ø110 từ nhà vệ sinh dẫn vào 01 bể tự hoại 3 ngăn thể tích 10 m³ để xử lý, sau đó theo đường ống PVC Φ114 dài khoảng 178m dẫn về hố gom của hệ thống xử lý nước thải.

+ Khu vực nhà vệ sinh số 1 và số 2 của nhà xưởng sản xuất: được thu gom bằng ống PVC Ø110 từ nhà vệ sinh dẫn vào 01 bể tự hoại 3 ngăn thể tích 20 m³, sau đó theo đường ống Φ114 (dài 10m) dẫn ra hố gom kích thước (1×1×1)m (góc phía Tây Nam) nhà sản xuất và theo đường ống PVC D200 thu gom nước thải về hệ thống xử lý tập trung.

- Đối với nước thải chế biến thủy sản:

+ Thu gom nước thải tại khu vực chế biến bằng ống PVC D150-D168, dài từ 15-20m dẫn ra 03 hố thu nước thải KT (0,8×0,8×1)m bên ngoài nhà xưởng.

+ Nước tại hố thu theo đường ống PVC D200 và ống bi D300 chôn ngầm đầu nối vào hố gom nước thải và theo hệ thống mương dẫn BTCT dài 97m và đường ống PVC D200 (dài khoảng 85m) về bể gom nước thải trước khi được bơm tự động lên hệ thống xử lý. Hệ thống xử lý nước thải tập trung đặt tại góc phía Tây Bắc nhà máy xử lý bằng công nghệ xử lý sinh học kết hợp hoá lý và khử trùng công suất 80 m³/ngày đêm, dự phòng đến 100 m³/ngày đêm. Trên tuyến bố trí 07 hố ga thu nước thải kích thước (1×1×1)m.

- Đối với nước thải từ khu vực nhà ăn của công nhân: nước thải tại khu vực nhà ăn sau khi qua song chắn rác được thu gom về hố ga lắng và sau đó theo đường ống PVC Φ114 dài khoảng 178m dẫn về hố gom chung của hệ thống xử lý nước thải.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải

1.2.1. Nước thải sinh hoạt:

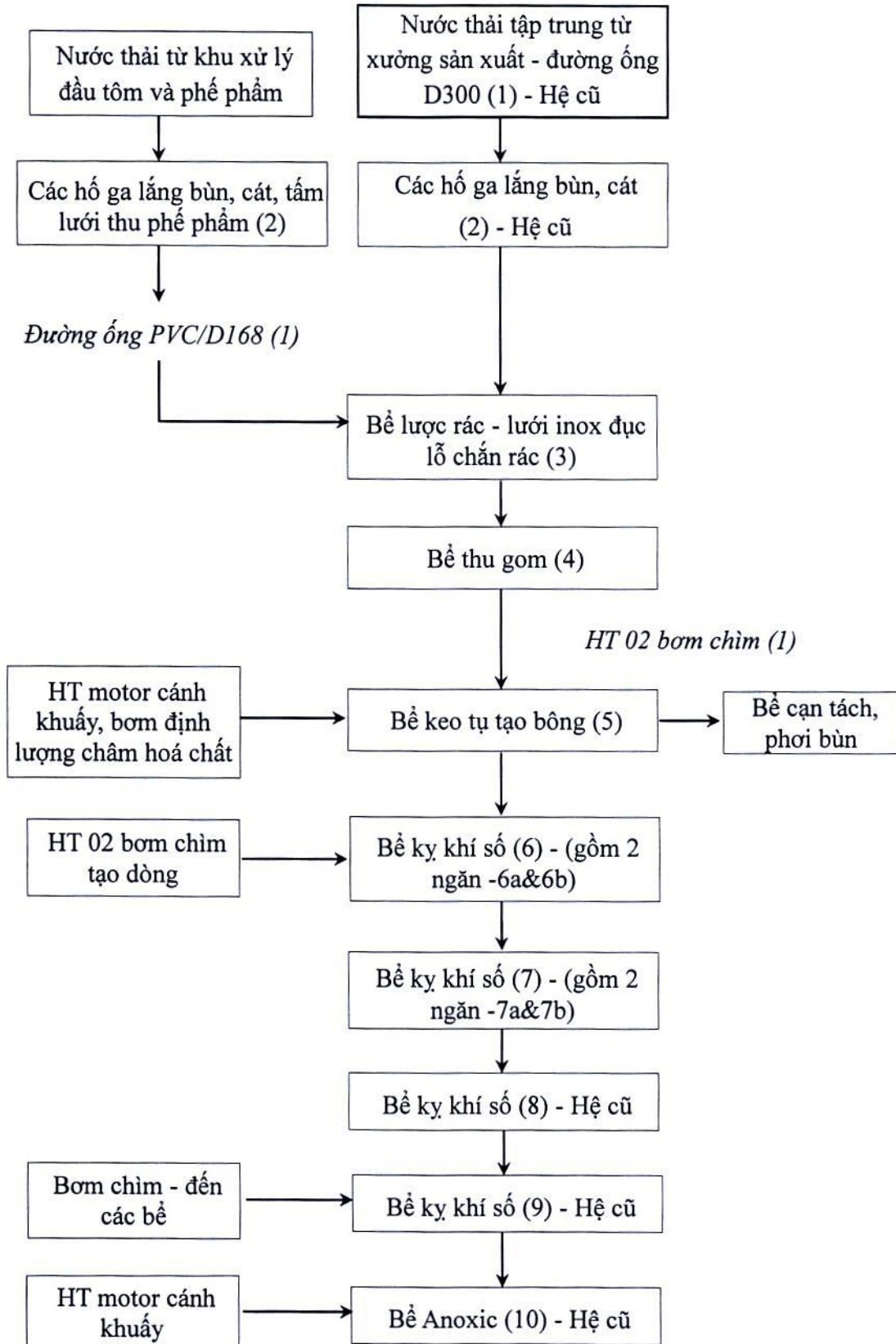
- Nguồn số 1: Nước thải sinh hoạt của khoảng 10 CBCNV làm việc tại khu nhà văn phòng (1,0 m³/ngày đêm) được xử lý bằng bể tự hoại 03 ngăn với thể tích 5 m³, kích thước (2,68×1,2×1,6)m sau đó thấm ra môi trường góc phía Đông Nam khu nhà văn phòng.

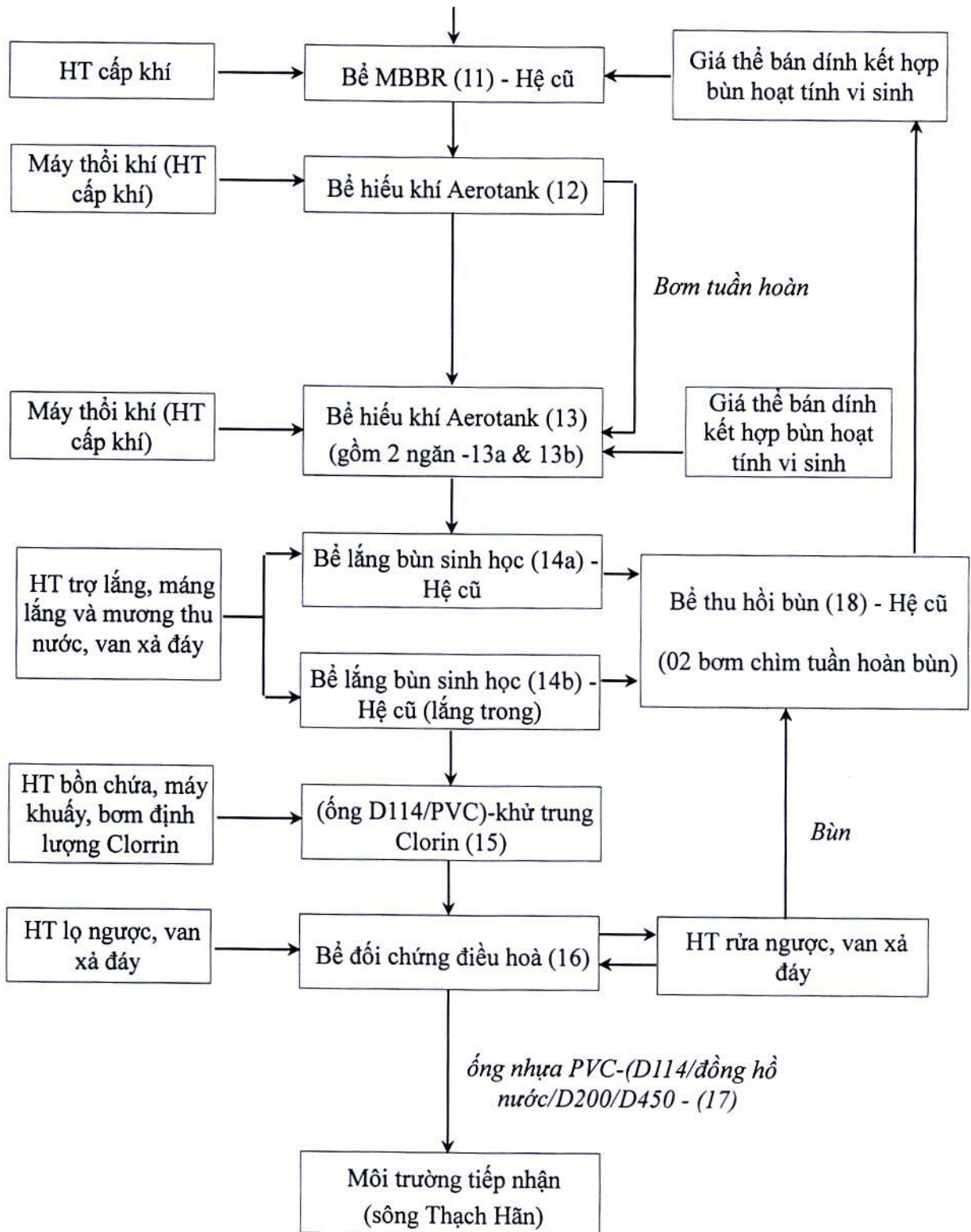
- Nguồn số 02, 04, 05: Nước thải sinh hoạt tại nhà vệ sinh khu vực nhà ăn, khu sản xuất được thu gom theo ống Φ114 và ống D200 dẫn về hố gom của hệ thống xử lý nước thải để xử lý.

1.2.2. Nước thải sản xuất

Toàn bộ nước thải phát sinh tại cơ sở gồm nước thải chế biến thủy sản, nước từ khu vực nhà ăn và nước thải sinh hoạt của CBCNV (trừ khu nhà văn phòng làm việc) được thu gom theo tuyến ống PVC Φ114 (dài 178m), ống D200 (dài 85m) và ống bi D300 chôn ngầm đầu nối vào hố gom nước thải và theo hệ thống mương dẫn BTCT dài 97m về bể gom nước thải trước khi được bơm tự động lên hệ thống xử lý nước thải.

- Hệ thống xử lý nước thải: Cơ sở đã đầu tư hệ thống xử lý nước thải bằng công nghệ xử lý sinh học kết hợp hoá lý và khử trùng công suất 80 m³/ngày đêm, dự phòng đến 100 m³/ngày đêm. Vị trí đặt tại góc phía Tây Bắc khu vực nhà máy. Với quy trình xử lý như sau:





- Điểm thoát nước thải từ hệ thống xử lý ra sông Thạch Hãn: Nước thải sản xuất của cơ sở sau xử lý tại bể đối chứng nước sẽ theo ống nhựa PVC D114 chảy qua thiết bị đồng hồ đo lưu lượng nước thải và tiếp tục chảy theo ống PVC D200 dài 100m dọc bờ tường phía Bắc nhà máy về cống thoát chung góc phía Bắc nhà máy và chảy theo cống thoát D450 dài 70m đổ ra sông Thạch Hãn, cách chân cầu Cửa Việt khoảng 45m về phía thượng lưu.

- Chất lượng nước thải sau xử lý: Nước thải sau khi xử lý đạt yêu cầu theo QCVN 11-MT:2015/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải chế biến thủy sản, cột B ($K_q=0,9$; $K_f=1,1$).

Bảng 1. Kích thước các bể của hệ thống xử lý nước thải tại Cơ sở

TT	Công trình xử lý	Kích thước (dài×rộng×sâu)m	Thể tích (m ³)	Số lượng
1	Bể lược rác	(1,1×1,1×1,2)m	1,45	01
2	Bể thu gom	(6,3×2,8×2,25)m	39,69	01
3	Bể keo tụ tạo bông, lắng bùn hoá lý	(4,44×3,33×4,1)m (bên trong bố trí ngăn hoà trộn hoá chất keo tụ KT(1,2×1,2×4,1)m	60,62	01
4	Bể kỵ khí (6), (7), (8), (9)			
-	Bể kỵ khí (6)	(6,48×4,44×4,1)m, bể 02 ngăn (6a và 6b)	117,96	01
-	Bể kỵ khí (7)	(4,7×4,7×4,1)m, bể 02 ngăn (7a và 7b)	90,57	01
-	Bể kỵ khí (8)	(3,0×2,0×4,0)m	24	01
-	Bể kỵ khí (9)	(4,0×2,0×4,0)m	32	01
5	Bể thiếu khí Anoxic	(2,0×2,0×4,0)m	16	01
6	Bể MBBR	(2,0×2,0×4,0)m	16	01
7	Bể hiếu khí Aerotank			
-	Bể hiếu khí (12)	(5,33×2,8×4,7)m	70,14	01
-	Bể hiếu khí (13)	(6,4×3,2×4,1)m, gồm 02 ngăn 13a và 13b	83,97	01
8	Bể lắng bùn sinh học (14)			
-	Bể lắng bùn (14a)	(2,0×2,0×2,3)m	12	01
-	Bể lắng bùn (14b)	(4,0×2,0×3,5)m	28	01
9	Bồn khử trùng Clorin (15)	Bồn nhựa 500 lít	0,5	01
1 0	Bể đối chứng điều hoà (16)	(3,15×2,8×4,1)m	36,16	01
1 1	Bể gom bùn tập trung (18)	(2,0×2,0×3,0)m	12	01

Bảng 2. Các thiết bị đã được lắp đặt tại hệ thống xử lý nước thải

TT	Công trình xử lý	Máy móc/thiết bị
1	Bể lọc rác	Tấm lưới inox chắn rác
2	Bể thu gom	- Bơm chìm dùng cho nước thải công nghiệp (01 hoạt động, 01 dự phòng và 01 phòng ngừa sự cố - chống tràn); - 03 Công suất máy bơm 12,5 m ³ /h, motor động cơ 0,75KW/3P, có gắn hệ thống phao tự động
3	Bể keo tụ tạo bông, lắng bùn hoá lý	- Hệ thống ống lắng trung tâm; máng thu nước thải sau lắng - Motor cánh khuấy hoà trộn 2,2KW/3P - Hệ thống 03 bồn chứa, 3 motor khuấy hoá chất, 03 bơm định lượng và các đường ống, phụ kiện đi kèm
4	Bể kỵ khí (6)	02 bơm chìm chuyên dụng tại bể kỵ khí (6) động cơ 0,75KW/3P, công suất 12,5 m ³ /h để tạo dòng đối lưu hoà trộn, tăng khả năng hoạt động phân huỷ chất hữu cơ của vi sinh vật kỵ khí
5	Bể kỵ khí (9)	01 bơm chìm động cơ 1,5KW/3P, công suất 25 m ³ /h. Mục đích bơm cung cấp nước thải ở các bể kỵ khí cho các bể hiếu khí trong thời gian nuôi cấy men vi sinh hoặc cung cấp thức ăn duy trì lượng bùn hoạt tính vi sinh hiếu khí khi nhà máy tạm nghỉ sản xuất trong thời gian ngắn.
6	Bể thiếu khí Anoxic	Hệ thống cánh khuấy, động cơ motor 3,7KW/3P
7	Bể MBBR	Hệ thống phân phối khí và giá thể vi sinh bám dính
8	Bể hiếu khí Aerotank (12), (13)	- 04 cụm máy nén khí gồm 02 động cơ motor 4KW/3P và 02 động cơ motor 5,5KW/3P; lưu lượng 3,62 m ³ /phút và 4,52 m ³ /phút; hệ thống ống dẫn, van thao tác và đĩa phân phối cung cấp khí. - Tại mỗi bể bố trí thêm các hệ thống khung, lồng inox chứa giá thể viên nhám chuyên dụng và giá thể dính bám nhập khẩu với diện tích tiếp xúc 3000m ² /1m ³ .
9	Bể lắng bùn sinh học 02 ngăn (14a), (14b)	- Mỗi bể gồm hệ thống ống lắng trung tâm inox máng tràn, riêng bể lắng trong (14b) đặt 02 bơm chìm tuần hoàn với động cơ motor 0,75KW/3P, công suất 12,5m ³ /h. - Đáy bể vát lòng máng và bố trí đường ống, van xả đáy về bể gom thu hồi bùn.
10	Bồn khử trùng Clorin (15)	02 bơm định lượng clorin 0,1KW/3P (01 dự phòng); 01 động cơ motor cánh khuấy 0,2KW/3P

TT	Công trình xử lý	Máy móc/thiết bị
11	Bể đôi chứng điều hoà (16)	Hệ thống lọc ngược và rửa ngược (sàn ngăn - tấm thép dày 10mm có đục lỗ lắp ống lọc, hệ thống đường ống lọc PVC D60, sạn, cát và hệ thống đường ống cấp khí.
12	Hệ thống đo đếm (17)	Đồng hồ nước/đường ống D114 - đo lưu lượng nước thải sau xử lý
13	Bể gom bùn tập trung (18)	02 bơm chìm hút bùn tuần hoàn (01 dự phòng) với động cơ motor 0,75KW/3P, công suất 12,5m ³ /h.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

Cơ sở không thuộc đối tượng phải quan trắc tự động, liên tục đối với nước thải theo quy định tại Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP của Chính phủ.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

Quy trình vận hành khắc phục sự cố đối với nước thải:

- Khi hệ thống xử lý xảy ra sự cố Công ty cam kết sẽ dừng hoạt động xả thải đến khi hệ thống vận hành trở lại an toàn.

- Đối với hệ thống máy móc, thiết bị hệ thống xử lý nước thải như máy thổi khí, máy bơm tại các bể... bố trí máy dự phòng để thay thế dự phòng khi hư hỏng, các rủi ro do thiết bị.

- Cán bộ vận hành hệ thống xử lý của nhà máy có trách nhiệm kiểm tra, giám sát lượng nước thải vào và ra, khi có sự cố khoá đường ống xả thải không cho nước thải ra môi trường.

- Trong trường hợp nước thải xử lý chưa đảm bảo, toàn bộ nước thải của Cơ sở được bơm đưa về bể gom ban đầu. Sau khi khắc phục xong sự cố, tiến hành lấy mẫu kiểm tra, đối chứng đảm bảo nước thải của cơ sở sau xử lý đạt QCVN 11-MT:2015/BTNMT (cột B, $K_q=0,9$; $K_f=1,1$) mới xả thải ra môi trường.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm: Không thực hiện

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ các hoạt động của dự án đảm bảo đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Vận hành mạng lưới thoát nước mưa, đảm bảo yêu cầu về tiêu thoát nước và vệ sinh môi trường trong quá trình vận hành.

3.3. Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành công trình xử lý nước thải..

3.4. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất (nếu có) để thường xuyên vận hành hiệu quả công trình thu gom, xử lý nước thải.

3.5. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào không đạt yêu cầu quy định tại Phần A Phụ lục này và phải dừng ngay việc xả nước thải để thực hiện các biện pháp khắc phục.

Phụ lục 2
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

Cơ sở: Nhà máy sản xuất thủy sản đông lạnh Elites Việt Trung

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: **10** /GPMT-UBND ngày **05** tháng **02** năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị)



A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI

1. Nguồn phát sinh khí thải:

Nguồn số 1: Khí thải phát sinh từ bếp nấu ăn tại nhà ăn công nhân.

2. Dòng khí thải:

Dòng thải số 01: Khí thải từ quạt hút khu vực bếp nhà ăn.

3. Vị trí xả khí thải

- Tại ống khói nhà bếp tại Khu nhà ăn (Tọa độ: X:1.858.347m; Y: 591.059m, Hệ tọa độ VN2000, KTT 106⁰15', múi chiều 3⁰)

- Lưu lượng xả khí thải lớn nhất: Không xác định lưu lượng.

- Phương thức xả khí thải: Khí thải khi được chụp hút tại khu vực nấu ăn được xả ra môi trường bằng ống xả quạt hút.

4. Chất lượng môi trường khí thải trước khi xả vào môi trường phải đảm bảo đảm ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường như sau:

Chất lượng môi trường nước khí thải sau khi qua hệ thống xử lý đạt QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ. Nồng độ các chất ô nhiễm được tính toán như sau:

Bảng 2.1. Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn các chất ô nhiễm

TT	Chất ô nhiễm	ĐVT	QCVN 19:2009/BTNMT (Cột B, K _s =1, K _t =1,2)	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	Bụi	mg/Nm ³	240	06 tháng/lần	Không áp dụng
2	CO	mg/Nm ³	1.200		
3	SO ₂	mg/Nm ³	480		
4	NO _x (tính theo NO _x)	mg/Nm ³	1.020		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải

- Đối với khu vực nhà ăn: Bố trí 02 quạt thông gió tại khu vực nhà bếp nấu ăn, bố trí các cửa sổ tạo sự thông thoáng.

- Nhà xưởng thiết kế cao thoáng, có hệ thống quạt thông gió.

- Khu vực lưu chứa CTR sản xuất tập kết chất thải vào các thùng chứa có nắp đậy và đặt tại phòng chứa phế liệu. Cuối mỗi buổi sản xuất, sẽ được thu gom và chuyển đi đến nhà máy sản xuất bột cá trên địa bàn.

- Đối với hệ thống xử lý nước thải: Hệ thống các bể xử lý đậy kín hạn chế mùi. Bố trí 02 cán bộ kỹ thuật kiêm phụ trách quản lý về công tác môi trường, vận hành đúng quy trình, định kỳ nạo vét, hút bùn và hợp đồng với đơn vị có chức năng đưa đi xử lý để tránh mùi hôi, đảm bảo hệ thống hoạt động có hiệu quả.

- Trồng cây xanh: Tỷ lệ cây xanh tại nhà máy đạt 15,36%. Chủ dự án sẽ tiến hành trồng bổ sung các loại cây cảnh, phượng... trong khuôn viên nhà máy, xung quanh các tường rào sẽ được trồng 2 hàng cây xanh, còn tại khu văn phòng và các hạng mục phụ trợ khác bố trí các chậu cây cảnh, đảm bảo tỷ lệ cây xanh là 20%.

- Thường xuyên vệ sinh các tuyến đường, chăm sóc vành đai cây xanh xung quanh nhà máy.

- Kiểm soát loại phương tiện và tốc độ các phương tiện lưu thông.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Quản lý và xử lý khí thải phát sinh trong quá trình hoạt động của Dự án đảm bảo đáp ứng yêu cầu về môi trường trước khi thoát ra môi trường.

3.2. Thu gom, xử lý khí thải phát sinh từ các hoạt động của Cơ sở đảm bảo đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.3. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào không đạt yêu cầu quy định tại Phần A Phụ lục này và phải dừng ngay việc xả nước thải để thực hiện các biện pháp khắc phục.

Phụ lục 3
BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

Cơ sở: Nhà máy sản xuất thủy sản đông lạnh Elites Việt Trung

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: **70** /GPMT-UBND ngày **05** tháng **02** năm 2024
 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG

Tiếng ồn, độ rung phát sinh tại cơ sở phát sinh từ các phương tiện giao thông và hoạt động của máy móc trong khu vực sản xuất (rửa, chế biến, cấp đông thủy sản). Tuy nhiên, nguồn phát sinh nhỏ và không thường xuyên, do đó, Cơ sở không đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

- Các loại máy sản xuất nước đá cây, máy xay đá cây, máy quay muối... được cân chỉnh và cố định bằng các bộ móng hạn chế rung động.
- Trong quá trình sử dụng thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng máy móc, thiết bị (như bôi dầu mỡ, kiểm tra các kết cấu truyền động...) để máy móc hoạt động tình trạng tốt nhất.
- Đối với khu vực sản xuất: Công nhân được trang thiết bị bảo hộ lao động (quần áo, mũ, găng tay, giày ủng, khẩu trang ...), làm việc luân phiên theo ca.
- Vận hành sản xuất đúng thời gian quy định, bố trí thời gian làm việc hợp lý cho các công nhân làm việc trong các khu vực có tiếng ồn cao.
- Thực hiện khám sức khỏe tối thiểu 1 lần/năm, nhằm đảm bảo sức khỏe lâu dài cho công nhân.
- Sử dụng máy móc, thiết bị đúng công suất, không vận hành thiết bị quá tải.
- Trồng cây xanh xung quanh khu vực sản xuất, nhà xưởng nhằm hạn chế tiếng ồn phát ra ngoài.
- Quy định tốc độ xe, máy móc khi hoạt động trong khu vực Nhà máy;

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

- Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định.
- Quản lý và kiểm soát tiếng ồn, độ rung trong quá trình hoạt động của Dự án đảm bảo quy chuẩn QCVN 26:2010/BTNMT và QCVN 27:2010/BTNMT.

Phụ lục 4
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA
VÀ ỨNG PHÓ SỰ CÓ MÔI TRƯỜNG

Cơ sở: Nhà máy sản xuất thủy sản đông lạnh Elites Việt Trung

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: **10** /GPMT-UBND ngày **05** tháng **02** năm 2024
của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên

STT	Tên CTNH	Khối lượng	Trạng thái	Mã CTNH	Phân loại
1	Giẻ lau dính dầu	3,0 kg/tháng	Rắn	15 02 02	KS
2	Bóng đèn huỳnh quang	0,5 kg/tháng	Rắn	20 01 21	KS
3	Hộp mực in	0,5 kg/tháng	Rắn	08 02 04	KS
4	Bao bì đựng hóa chất khử trùng, hóa chất xử lý nước thải	1,0 kg/tháng	Rắn	18 01 06	TT-R

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải công nghiệp thông thường phát sinh

STT	Tên CTRTT	Khối lượng	Trạng thái
1	CTR sản xuất (đầu, vỏ tôm) không đạt chuẩn	3.150 kg/ngày	Rắn
2	Bùn từ hệ thống xử lý nước thải	9 m ³ /đợt	Rắn
3	Bao bì hư hỏng, dụng cụ lao động thải bỏ (găng tay, ủng)	5,0 kg/tháng	Rắn

1.3. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn sinh hoạt phát sinh

- Chủng loại: Chủ yếu là thực phẩm (vỏ rau, củ quả,..), thức ăn dư thừa, túi nilon, chai lọ, giấy lau.

- Khối lượng: Khoảng 100 kg/ngày.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại

- Cơ sở đã thực hiện phân loại và thu gom lưu tại khu vực chứa CTNH.

- Kho chứa CTNH có diện tích 25 m² được xây dựng kiên cố nằm về phía Bắc nhà máy; bên trong có 03 thùng chứa CTNH và có biển báo chỉ dẫn theo quy định; bên ngoài có biển báo khu vực chứa CTNH.

- Xử lý CTNH: Hợp đồng với đơn vị có năng lực để đưa đi xử lý theo đúng quy định và có kế hoạch báo cáo với đơn vị quản lý (Sở Tài nguyên và Môi trường, Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Triệu Phong, Ban quản lý KKT tỉnh) theo quy định.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải công nghiệp thông thường và chất thải rắn sinh hoạt

- Chất thải rắn sinh hoạt:

+ Tiếp tục thực hiện phân loại CTR tại nguồn tại Cơ sở.

+ Thu gom và chứa đựng trong những thùng rác bằng nhựa loại 120L có nắp đậy, số lượng 02 thùng.

+ Hợp đồng với Trung tâm Môi trường và Đô thị huyện Gio Linh vận chuyển xử lý, tần suất 02 ngày/lần.

- Đối với các loại chất thải rắn sản xuất:

+ Toàn bộ phế phẩm (đầu, vỏ tôm) được thu gom và tập kết hàng ngày vào các thùng chứa có nắp đậy loại chuyên dùng 240L đặt tại khu vực chứa phế phẩm của nhà máy tại xưởng sơ chế theo quy định, tránh rơi vãi ra bên ngoài.

+ Cuối mỗi buổi sản xuất, đơn vị thu gom phế phẩm của cơ sở sẽ đến thu mua để sử dụng chế biến bột thức ăn cho gia súc. Tần suất 01 lần/ngày.

+ Hợp đồng với 02 đơn vị thu mua phế phẩm của nhà máy gồm: Công ty TNHH Một Thành Viên Hồng Đức Vượng tại khu CN Quán Ngang, huyện Gio Linh, Quảng Trị và Chủ cơ sở thu gom - Ông Trương Hữu Quốc tại thôn Mai Xá, xã Gio Mai, huyện Gio Linh, Quảng Trị.

- Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải:

+ Bùn sau khi được thu gom được phơi khô và lưu trữ vào các bao chứa loại 25kg, hợp đồng với Trung tâm Môi trường và Đô thị huyện Gio Linh đưa đi xử lý cùng với CTR sinh hoạt.

+ Khu vực sân phơi bùn: Cơ sở tận dụng sân trước khu vực kho chứa CTR của nhà máy và bố trí bạt lót nền để phơi bùn và thu gom đóng bao khi bùn khô để đưa đi xử lý đảm bảo đúng quy định.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

1. Biện pháp quản lý, phòng ngừa, ứng phó sự cố cháy nổ

- Phương án PCCC cho Nhà máy được cơ quan có thẩm quyền thẩm định và phê duyệt theo quy định.

- Có bể chứa nước với thể tích 36 m³, kết cấu đáy và thành bê BTCT.

- Hệ thống đường ống cứu hỏa chính độc lập với mạng đường ống cấp nước.

- Cùng với mạng đường ống cứu hỏa, trong công trình còn trang bị các bình cứu hỏa loại chuyên dụng tại nhà làm việc, nhà xe, nhà ăn ca, nhà nghỉ công nhân, kho và trong xưởng sản xuất.

- Hệ thống tiếp địa dùng các cọc thép hình tráng kẽm tại các góc hạng mục công trình. Đầu các cọc tiếp địa có hàn thanh dẫn Ø20 AI.

- Trong ca làm việc công nhân luôn có mặt tại vị trí làm việc của mình và thực hiện đúng các thao tác kỹ thuật. Khi phát hiện dấu hiệu bất thường phải báo ngay cho người có trách nhiệm xử lý kịp thời.

- Các đường dây điện được thiết kế an toàn chống gây chập cháy bằng các role tự động, kiểm tra định kỳ đường dây và các mối nối.

- Phối hợp với cơ quan chuyên ngành tổ chức học tập, huấn luyện cho công nhân các kỹ thuật cơ bản để ứng phó và xử lý sự cố cháy nổ xảy ra, tuyệt đối không hút thuốc trong khu vực Nhà máy.

- Đối với sự cố cháy nổ trạm biến áp cần thiết phải thường xuyên kiểm tra máy móc, quy trình vận hành, tránh sự cố quá tải, nhất là vào giờ cao điểm, thường xuyên bảo trì, bảo dưỡng.

- Thực hiện nghiêm túc các quy định về phòng cháy chữa cháy tại cơ sở.

2. Biện pháp quản lý, phòng ngừa tai nạn lao động, tai nạn giao thông

** An toàn lao động:*

- Nhà máy bắt buộc tất cả công nhân lao động trong giờ làm việc phải sử dụng các trang thiết bị bảo hộ lao động (quần áo, mũ, găng tay, giày ủng, khẩu trang, ...).

- Bố trí các bảng hướng dẫn quy trình vận hành các thiết bị trong nhà máy để cán bộ công nhân dễ vận hành và sử dụng.

- Tổ chức các lớp đào tạo, nâng cao tay nghề, huấn luyện về an toàn lao động, vệ sinh môi trường theo quy định hiện hành.

- Khám sức khỏe tối thiểu 1 lần/năm cho công nhân lao động trong Nhà máy.

- Thực hiện biện pháp sơ cứu và cấp cứu kịp thời khi có sự cố xảy ra.

- Tập huấn cho cán bộ công nhân viên của nhà máy thực hiện tốt các quy định về quản lý nội vi nhà xưởng trong hoạt động chế biến thủy sản bao gồm: bảo dưỡng thiết bị máy móc, hệ thống điện chiếu sáng, hệ thống cấp nước sản xuất, hệ thống xử lý nước thải, tạo ý thức tuân thủ các nội quy an toàn tại nơi làm việc.

- Chủ cơ sở thường xuyên kiểm tra, bảo trì, bảo dưỡng hệ thống làm lạnh của nhà máy (kiểm tra an toàn áp lực) để tránh các sự cố xảy ra gây ảnh hưởng đến môi trường và thiệt hại về kinh tế cho nhà máy.

** An toàn giao thông:*

- Các phương tiện giao thông đường bộ của CBCNV, các xe vận chuyển hàng hoá của Doanh nghiệp phải đảm bảo tiêu chuẩn kỹ thuật quy định và tuyệt đối chấp hành Luật giao thông đường bộ hiện hành.

- Các tài xế không được sử dụng bia rượu trong khi điều khiển phương tiện.

Hiện nay, các biện pháp phòng ngừa sự cố tại cơ sở đang áp dụng có hiệu quả, do đó Chủ cơ sở sẽ tiếp tục áp dụng các biện pháp này.

3. Biện pháp quản lý, phòng ngừa, ứng phó sự cố rủi ro do thiên tai

- Trong thời điểm không phải là mùa vụ tôm, nhà máy ngừng hoạt động Công ty vẫn bố trí lịch trực phòng chống lụt bão.

- Thành lập ban phòng chống lụt bão khoảng 6-10 người thường xuyên túc trực trong thời điểm thiên tai để phòng tránh thiệt hại, nhất là khi vị trí của nhà máy ở vùng cửa sông, rất dễ bị tác động do bão, lũ lớn.

C. CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

1. Quan trắc nước thải:

- Vị trí: 01 vị trí điểm đầu ra của hệ thống xử lý nước thải từ bể đối chứng nước sau xử lý theo ống D200 (dài 100m) đầu nối với ống bi D450 (dài 70m) trước khi thải ra môi trường (sông Thạch Hãn).

- Tần suất: 03 tháng/lần

- Thông số quan trắc: Lưu lượng thải, pH, TSS, BOD₅, COD, Amoni, Tổng Nitơ, Tổng Photpho, tổng dầu mỡ động thực vật, Coliform.

- Quy chuẩn kỹ thuật áp dụng: QCVN 11-MT:2015/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải chế biến thủy sản (cột B, $K_q = 0,9$; $K_f = 1,1$).

2. Quan trắc khí thải:

- Vị trí: 01 vị trí quạt hút tại bếp nấu ăn tại nhà ăn công nhân.

- Tần suất: 06 tháng/lần

- Thông số quan trắc: Lưu lượng thải, Bụi, CO, SO₂, NO₂.

- Quy chuẩn kỹ thuật áp dụng: QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ (cột B, $K_p = 1$; $K_v = 1,2$).

3. Quan trắc CTR, CTNH:

- Vị trí: kho lưu chứa CTR, CTNH

- Tần suất: 03 tháng/lần

- Thông số giám sát: thành phần, khối lượng CTR phát sinh;

Phụ lục 5**YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG****Cơ sở: Nhà máy sản xuất thủy sản đông lạnh Elites Việt Trung**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: **10** /GPMT-UBND ngày **05** tháng **02** năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG:

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC:

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

1. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Thực hiện phân định, phân loại các loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường và CTNH theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT. Kho lưu giữ CTNH phải luôn đảm bảo đáp ứng các quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT. Định kỳ chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, CTNH cho đơn vị có chức năng theo quy định (trừ các loại chất thải rắn công nghiệp thông thường có ký hiệu TT-R theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT).

2. Tuân thủ các quy định pháp luật về an toàn giao thông, an toàn lao động, phòng cháy chữa cháy.

3. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất, trong đó có nội dung cập nhật về khối lượng, chủng loại chất thải phát sinh theo quy định; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

4. Thực hiện đúng, đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép môi trường này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới./.